

Số: /KH-UBND

Xuân Trường, ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số huyện Xuân Trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Nam Định về chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, UBND huyện xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện, nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh, làm căn cứ để triển khai chuyển đổi số trong các ngành nghề, lĩnh vực, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn huyện; là căn cứ để kiểm tra, đánh giá kết quả chuyển đổi số của các ngành, lĩnh vực, các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương cam kết đổi mới, sáng tạo tạo điều kiện cho phép thử nghiệm công nghệ mới, mô hình mới, ứng dụng công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững, liên kết các thành phần khác nhau theo mô hình kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo trong ngành, lĩnh vực cơ quan, địa phương mình phụ trách.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) nhằm đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của bộ máy Chính quyền số, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân trên môi trường số.

- Ứng dụng CNTT nâng cao hiệu quả hoạt động của Chính quyền số; phát triển các doanh nghiệp số có quy mô lớn, khả năng cạnh tranh cao; kinh tế số phát triển; xây dựng xã hội số văn minh, hiện đại.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

a) Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 90% dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện theo chỉ đạo của tỉnh được thực hiện qua hệ thống báo cáo của tỉnh.

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;
- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%;

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã;
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh;
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 40%;

2.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

a) Phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

- 100% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu từ 15% đến 20%;
- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%;

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang;
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G;
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 60%;

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp tạo cơ sở chuyển đổi số

1.1. Chuyển đổi nhận thức:

- Người đứng đầu các đơn vị tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước về tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành. Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp đào tạo, tập huấn giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức UBND huyện, UBND cấp xã; cán bộ các tổ chức đoàn thể cấp huyện, cấp xã.

- Tổ chức các hội nghị, các lớp đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số cho các tổ chức, doanh nghiệp, trước hết là những người đứng đầu nắm được cách thức để thực hiện chuyển đổi số trong đơn vị.

- Xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về Kế hoạch chuyển đổi số trên hệ thống thông tin của địa phương; tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử của huyện; Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện, UBND các xã, thị trấn.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân về sử dụng Internet, thư điện tử, giao dịch điện tử, mua bán trực tuyến, tham gia sàn giao dịch nông sản, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm an toàn thông tin cá nhân,...

1.2. Hoàn thiện hệ thống văn bản:

- Tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản liên quan trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong quá trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

- Rà soát, đề xuất bổ sung hệ thống văn bản pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, internet và không gian mạng.

- Nghiên cứu các giải pháp khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, người dân nghiên cứu, đầu tư, tài trợ, chuyển giao công nghệ cho chuyển đổi số; cung cấp, sử dụng các dịch vụ số trên địa bàn huyện.

1.3. Phát triển hạ tầng số:

- Phối hợp với các cơ quan chủ trì của tỉnh trong việc xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên địa bàn huyện; ưu tiên triển khai tại cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tạo điều kiện thuận lợi phát triển hạ tầng mạng di động 5G; nâng cấp mạng di động 4G; triển khai các giải pháp để phủ cập điện thoại di động thông minh trên địa bàn huyện.

- Phối hợp với các cơ quan chủ trì của tỉnh thực hiện chuyển đổi toàn bộ mạng Internet trên địa bàn huyện sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6); mở rộng và nâng cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng đến cấp xã.

1.4. Phát triển nền tảng số:

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia, nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử trên địa bàn huyện bảo đảm thiết thực, hiệu quả để phục vụ giao dịch điện tử giữa người dân với cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác một cách dễ dàng, đơn giản, tiện lợi.

- Phối hợp triển khai hệ thống thanh toán điện tử cho phép doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử không thông qua tài khoản ngân hàng (Mobile Money) đối với người dân để phổ cập, cung cấp khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.

- Xác định danh sách các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực như thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến, nội dung số, dịch vụ kế toán, tài chính doanh nghiệp, đô thị, ngân hàng số và đề xuất các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển các hệ thống này trên địa bàn huyện.

1.5. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng:

- Định kỳ hàng năm, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin liên quan tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức về an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ tính riêng tư cá nhân cho cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn huyện.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ có chuyên môn cao vận hành, khai thác, đảm bảo an toàn thông tin trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện; xây dựng chính sách thu hút nhân lực có trình độ cao về an toàn, an ninh mạng phục vụ trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng Chính quyền số

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử, ký số văn bản trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

- Tái cấu trúc hạ tầng CNTT của các cơ quan, đơn vị; chuyển đổi hạ tầng CNTT thành hạ tầng số; ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

- Triển khai các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển Chính quyền điện tử và các dịch vụ liên quan. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành của huyện phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển.

- Phối hợp phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ đảm bảo tích hợp, chia sẻ dữ liệu số phục vụ chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp.

- Áp dụng công nghệ mới nhất về truyền thông xã hội (Social), cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công một cách đơn giản, thuận tiện trên di động (Mobile), phân tích dữ liệu lớn (Big Data Analytics), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo/ thực tế tăng cường (VR/AR) để thực hiện chuyển đổi số toàn diện của cơ quan nhà nước và cung cấp trải nghiệm tốt nhất, thân thiện nhất cho người dùng.

- Đưa toàn bộ các dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 3, mức độ 4; thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ.

- Phối hợp các cơ quan chủ trì của tỉnh chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức; đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ ra quyết định quản lý nhanh chóng, hiệu quả cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước.

3. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế số

- Phát triển sản phẩm nội dung số, truyền thông số, quảng cáo số. Phát triển công nghiệp sáng tạo, hệ sinh thái nội dung số đa dạng, hấp dẫn. Các cơ quan nhà nước cùng tham gia phát triển công nghiệp sáng tạo.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh.

4. Nhiệm vụ phát triển xã hội số

- Tham gia chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên trách công nghệ thông tin về chuyển đổi số do tỉnh, các sở, ngành tổ chức.

- Tham gia chương trình đào tạo, đào tạo lại kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Giám đốc điều hành các doanh nghiệp.

5. Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số

5.1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế

- Phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa để hỗ trợ người dân được khám, chữa bệnh từ xa, giúp giảm tải các cơ sở y tế, hạn chế tiếp xúc đông người, giảm nguy cơ lây nhiễm chéo; 100% các cơ sở y tế có bộ phận khám chữa bệnh từ xa; thúc đẩy chuyển đổi số ngành Y tế.

- Xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí, hình thành bệnh viện thông minh; xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế.

- Thử nghiệm triển khai sáng kiến “Mỗi người dân có một bác sĩ riêng” với mục tiêu mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khỏe cá nhân, trên cơ sở đó được

bác sĩ tư vấn, chăm sóc cho từng người dân như là bác sĩ riêng, hình thành hệ thống chăm sóc y tế số hoàn chỉnh từ khâu chăm sóc đến sức khỏe ban đầu, dự phòng đến điều trị.

- Hoàn thiện hành lang pháp lý để tạo điều kiện cho khám chữa bệnh từ xa và đơn thuốc điện tử cho người dân, nhằm bảo đảm người dân có thể tiếp xúc bác sĩ nhanh, hiệu quả, giảm chi phí và thời gian vận chuyển bệnh nhân.

5.2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa.

- 100% cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

5.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

- Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn của ngành như: Đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản,... Xây dựng mạng lưới quan sát, giám sát tích hợp trên không và mặt đất phục vụ các hoạt động nông nghiệp. Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số.

- Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp.

- Thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý để có các chính sách, điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch.

5.4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải

- Phát triển hệ thống giao thông thông minh; ứng dụng các giải pháp giám sát đảm bảo an toàn của các phương tiện giao thông công cộng.

- Phát triển các nền tảng kết nối giữa các chủ hàng, các nhà giao vận và khách hàng để phát triển thành một hệ thống một cửa để cho phép chủ hàng có thể tìm ra phương tiện tối ưu để vận chuyển hàng hóa và các kho bãi chính xác cũng như hỗ trợ việc đóng gói và hỗ trợ đăng ký, hoàn thiện các quy trình xử lý các văn bản hành chính liên quan.

- Chuyển đổi việc quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện kinh doanh vận tải, quản lý người điều khiển phương tiện, cho phép quản lý kết cấu hạ tầng giao thông số, đăng ký và quản lý phương tiện qua hồ sơ số, cấp và quản lý giấy phép người điều khiển phương tiện số.

5.5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường

- Triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn (cơ sở dữ liệu về: Đất đai; nền địa lý quốc gia; quan trắc tài nguyên môi trường; đa dạng sinh học; nguồn thải; viễn thám; biến đổi khí hậu; khí tượng - thủy văn; địa chất - khoáng sản...) nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.

5.6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

Phát triển hệ thống đào tạo trực tuyến trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp; ứng dụng công nghệ mô phỏng, phòng thực hành ảo trong đào tạo; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến; số hóa dữ liệu về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhà giáo, người học, chương trình, giáo trình và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: Ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, phát triển hạ tầng số, tạo lập niềm tin, phát triển nền tảng số, đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, chuyển đổi kỹ năng trong môi trường số và các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hoá và Thông tin huyện:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Kế hoạch này.

- Tham mưu tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Nam Định và Kế hoạch thực hiện của UBND huyện đến các cơ quan, đơn vị và đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn huyện nhằm nâng cao nhận thức về vai trò của chuyển đổi số trong quá trình phát triển của cơ quan, đơn vị, địa phương, qua đó tạo sự đồng thuận, thống nhất về quan điểm và hành động trong việc tổ chức triển khai các nhiệm vụ.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan, căn cứ tình hình cụ thể địa phương tham mưu các nội dung, nhiệm vụ về chuyển đổi số thuộc nhiệm vụ, thẩm quyền của

huyện về chuyển đổi số trong Kế hoạch này vào nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch Ứng dụng CNTT, xây dựng Chính phủ số/Chính quyền số hàng năm của huyện.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND&UBND huyện trong xây dựng Chính quyền điện tử và thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số đánh giá ứng dụng CNTT của huyện liên quan đến nhiệm vụ hiện đại hóa hành chính.

- Chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo chuyên môn được giao; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện Kế hoạch; tổng hợp thông tin, số liệu về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch báo cáo UBND huyện.

2. Văn phòng HĐND&UBND huyện: Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin và các cơ quan đơn vị liên quan thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về Ứng dụng CNTT, xây dựng Chính phủ số/Chính quyền số được giao trong Kế hoạch hàng năm.

3. Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện:

- Cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển theo quy định của Luật Đầu tư công để thực hiện các dự án được triển khai nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ tại Kế hoạch này.

- Căn cứ dự toán của các cơ quan, đơn vị để tổng hợp cân đối, bố trí kinh phí chi thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

4. Phòng Y tế huyện: Tham mưu UBND huyện phối hợp với cơ quan chủ trì Sở Y tế theo Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Nam Định (nếu có yêu cầu) trong triển khai nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại mục 5.1, phần III của Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện: Tham mưu UBND huyện phối hợp với cơ quan chủ trì Sở Giáo dục và Đào tạo theo Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Nam Định (nếu có yêu cầu) trong triển khai nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại mục 5.2, phần III của Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện: Tham mưu UBND huyện phối hợp với cơ quan chủ trì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Nam Định (nếu có yêu cầu) trong triển khai nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại mục 5.3, phần III của Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện: Tham mưu UBND huyện phối hợp với cơ quan chủ trì Sở Giao thông vận tải theo Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Nam Định (nếu có yêu cầu) trong triển khai nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại mục 5.4, phần III của Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

8. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện: Tham mưu UBND huyện phối hợp với cơ quan chủ trì Sở Tài nguyên và Môi trường theo Kế hoạch số 120/KH-

UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Nam Định (nếu có yêu cầu) trong triển khai nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại mục 5.5, phần III của Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

9. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện: Tham mưu UBND huyện phối hợp với cơ quan chủ trì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Nam Định (nếu có yêu cầu) trong triển khai nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại mục 5.6, phần III của Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

10. UBND các xã, thị trấn:

Trên cơ sở Kế hoạch Ứng dụng CNTT, xây dựng Chính phủ số/Chính quyền số hàng năm do UBND huyện ban hành, UBND xã, thị trấn đưa nội dung, nhiệm vụ về chuyển đổi số thuộc trách nhiệm vào trong Kế hoạch Ứng dụng CNTT, xây dựng Chính phủ số/Chính quyền số hàng năm của địa phương.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số huyện Xuân Trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện; đồng thời, báo cáo kết quả về UBND huyện (qua Phòng VH&TT huyện tổng hợp) trước ngày 20/11 hàng năm để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- TT Huyện ủy, HĐND, UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, VH TT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Vy